TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 16-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng
Ông Đỗ Quốc Kỳ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2023/TLST-HS ngày 09/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn B - Sinh ngày 10/10/1965, tại huyện V, tỉnh T

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường T, TP. H, tỉnh H

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T;

Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt);

Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Ngọc T - sinh năm 1932

Con bà Bùi Thị T (Đã chết)

Có vợ: Hoàng Thị Nh - sinh năm 1972

Có 02 con, lớn sinh năm 1996 nhỏ sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt.*

2. Bùi Thị Bích L - Sinh ngày 03/02/1987, tại huyện C

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH T

Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt);

Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi Văn Đ - sinh năm 1952

Con bà Bùi Thị E - sinh năm 1955

Có chồng: Bùi Văn Th - sinh năm 1985

Có 01 con sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt.*

- ***Nguyên đơn dân sự:*** Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N - Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

- Người đại diện được cử: Ông Nguyễn Tuấn C - Chức vụ: Đội trưởng Đội kiểm tra thuế - Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. - *Vắng mặt có lý do*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1978

Trú tại: Tổ 4, phường P, TP. H, tỉnh H

Vắng mặt có lý do

2. Anh Trần Đức D - sinh năm: 1981

Trú tại: Tổ 1, phường H, TP. H, tỉnh H

Vắng mặt có lý do

3. Chị Đinh Thị Tr - sinh năm 1995

Trú tại: Tổ 5, phường H TP. H, tỉnh H

Vắng mặt có lý do

4. Anh Bùi Văn H - sinh năm 1978

Trú tại: Xóm N, xã Th, huyện C, tỉnh H

Vắng mặt có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400233537, trong đó có kinh doanh vận tải hàng hoá; kho bãi; vận tải hành khách đường thuỷ nội địa; điều hành tua du lịch.

Công ty TNHH Tcó 02 thành viên góp vốn là Phạm Văn B, sinh năm 1965, trú tại Tổ 5, phường Thịnh Lang, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình và ông Trần Đức Dũng, trú tại phường Hữu Nghị, thành phố Hoà Bình. Tuy nhiên, trên thực tế Phạm Văn B là người thành lập, quản lý và điều hành toàn bộ mọi hoạt động của Công ty TNHH Tiến Anh.

Ngày 16/02/2011, UBND tỉnh Hoà Bình có Quyết định số 208/QĐ-UBND giao Công ty TNHH Tquản lý, khai thác và sử dụng Cảng du lịch T, Cao Phong, Hoà Bình *(là bến cảng được UBND tỉnh Hoà Bình xây dựng và hoàn thành vào cuối năm 2007, với tổng mức đầu tư là 9.589.580.000đ)* trong thời gian hoạt động 30 năm, kể từ năm 2013. Theo đó, Công ty TNHH Tphải nộp ngân sách nhà nước các khoản gồm: Khấu hao tài sản nhà nước đầu tư; thuế giá trị gia tăng; thuế thuê mặt đất, mặt nước; thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2013 đến 2023, doanh thu của Công ty TNHH Tchủ yếu thu từ hoạt động bán vé cho khách du lịch gồm vé hành khách, vé gửi ô tô, vé gửi xe máy, vé neo đậu tàu thuyền tại bến cảng T. Việc xác định giá vé được căn cứ vào phương án đã được UBND tỉnh Hoà Bình phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 02/8/2010 của UBND tỉnh Hoà Bình và căn cứ vào điều chỉnh hàng năm của UBND tỉnh Hoà Bình. Theo quy định, trước khi in vé để bán cho khách hàng hàng năm thì công ty TNHH Tphải mang mẫu vé đến Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc để làm thủ tục xác định giá vé, cơ quan thuế sẽ căn cứ quy định của Nhà nước ban hành để chấp thuận giá vé cho Công ty TNHH Tiến Anh Hoà Bình. Cuối mỗi năm, số vé không sử dụng đến phải xuất huỷ.

Từ năm 2019 đến 2023, Phạm Văn B giao cho Bùi Thị Bích L, sinh năm 1987, trú tại xóm Nai, xã T, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình là nhân viên của Công ty TNHH Tiến Anh làm nhiệm vụ thống kê tổng hợp tại cảng du lịch T. Cấp vé và thu tiền của nhân viên bán vé *(gồm vé khách qua cảng; vé trông giữ phương tiện ô tô; vé xe máy; vé neo đậu tàu thuyền và các khoản tiền được phép thu theo sự chỉ đạo của giám đốc)*, tất cả khoản tiền thu được trong ngày sẽ giao lại cho giám đốc giữ, toàn bộ số liệu báo cáo đưa giám đốc phê duyệt và gửi về kế toán. Hàng ngày, vào đầu giờ làm việc, Đinh Thị Trang và Bùi Văn Huê là nhân viên bán vé của Công ty sẽ đến gặp L để nhận số vé bán ra, ký sổ nhận vé và tiến hành bán vé cho khách tại cổng bến cảng T. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều đoàn khách, cá nhân không mua vé từ nhân viên bán vé ngoài cổng mà gặp trực tiếp và nộp tiền cho Phạm Văn B và Bùi Thị Bích L nên B và L không xuất hoá đơn (bán vé, xé vé) cho khách. Cuối ngày làm việc, Trang và Huê đến gặp L để chốt số vé bán ra và nộp tiền đã thu được, giao lại cuống vé và vé chưa bán cho L. Bùi Thị Bích L vào sổ sách theo dõi, tổng hợp toàn bộ số vé bán ra, số tiền thực tế thu được, giao tiền trực tiếp cho Phạm Văn B. B nhận tiền và ký nhận trong sổ quỹ tiền mặt của Công ty TNHH Ttheo từng ngày.

Do Công ty TNHH Tkhông có kế toán nên từ quý 4 năm 2019, Phạm Văn B đã thuê bà Nguyễn Thị Thuỷ, sinh năm 1978, trú tại Tổ 4, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình thực hiện việc kê khai thuế cho Công ty TNHH Tiến Anh Hoà Bình. Đến kỳ kê khai thuế, Phạm Văn B đã chỉ đạo Bùi Thị Bích L gửi các Báo cáo sử dụng hoá đơn và Bảng vé bán ra trong Quý thông qua địa chỉ Gmail của Công ty TNHH Tlà *dulichthungnai66@gmail.com* tới địa chỉ Gmail của bà Nguyễn Thị Thuỷ là *thuyson2008@gmail.com* hoặc *phucminhhuong@gmail.com.* Các số liệu tại Báo cáo sử dụng hoá đơn và Bảng vé bán ra trong quý của Công ty TNHH Tdo L thống kê theo chỉ đạo của B là chỉ kê khai số L vé được bán ra có xé vé, không kê khai đối với doanh thu thực tế bao gồm cả doanh thu mà các đoàn khách, cá nhân đưa tiền trực tiếp cho Phạm Văn B và Bùi Thị Bích L. Còn B trực tiếp đưa cho bà Thuỷ các hoá đơn mua vào, hoá đơn bán ra của Công ty TNHH Tvà thông báo cho bà Thuỷ các số liệu về tổng tiền lương người lao động vào cuối quý hoặc cuối năm, chi phí khấu hao tài sản, hoá đơn điện nước…Trên cơ sở các hoá đơn, chứng từ, số liệu do B và L cung cấp, bà Thuỷ tiến hành kê khai các tờ khai giá trị gia tăng định kỳ tháng, quý cho Công ty TNHH Tiến Anh Hoà Bình. Còn đối với các sổ sách gồm: Sổ Chi tiết tài khoản, sổ tổng hợp các loại tài khoản, sổ Bảng cân đối các tài khoản và Báo cáo tình hình tài chính để hạch toán và báo cáo Cơ quan thuế, bà Thuỷ thuê dịch vụ kế toán trên mạng Internet làm, sau đó chuyển lại cho Phạm Văn B, B đã dùng các chứng từ, báo cáo này để nộp cho Cơ quan Thuế. Mỗi lần kê khai thuế B đều trả cho bà Thuỷ số tiền 4.500.000đ.

Với cách thức thực hiện như trên, từ năm 2019 đến năm 2022 Phạm Văn B đã nhiều lần trực tiếp và chỉ đạo Bùi Thị Bích L thực hiện hành vi không xuất hoá đơn (bán vé, xé vé) cho khách hàng và không kê khai đối với doanh thu thực tế của Công ty từ hoạt động bán vé mà chỉ kê khai theo số L vé được bán ra có xé vé, cố ý để ngoài sổ sách tổng số tiền 4.380.266.000đ. Cụ thể:

Năm 2019: Trong báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế: Số vé bán ra là 118.563 vé, doanh thu bán vé là 988.250.001đ. Doanh thu thực tế của hoạt động bán vé là 2.490.930.000đ. Số tiền thu được từ hành vi không xuất hoá đơn (bán vé, xé vé) cho khách hàng là 2.490.930.000 - 988.250.001đ = 1.502.679.999đ.

Năm 2020: Trong báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế: Số vé bán ra là 33.674 vé, doanh thu bán vé là 308.035.000đ. Doanh thu thực tế của hoạt động bán vé là 1.266.450.000đ. Số tiền thu được từ hành vi không xuất hoá đơn (bán vé, xé vé) cho khách hàng là 1.266.450.000đ - 308.035.000đ = 958.415.000đ.

Năm 2021: Trong báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế: Số vé bán ra là 54.649 vé, doanh thu bán vé 490.625.000đ. Doanh thu thực tế của hoạt động bán vé là 1.156.681.000đ. Số tiền thu được từ hành vi không xuất hoá đơn (bán vé, xé vé) cho

khách hàng là 1.156.681.000 - 490.625.000đ = 666.056.000đ.

Năm 2022: Trong báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế: Số vé bán ra là 102.401 vé, doanh thu bán vé là 1.071.412.000đ. Doanh thu thực tế là 2.324.527.000đ. Số tiền thu được từ hành vi không xuất hoá đơn (bán vé, xé vé) cho khách hàng là 2.324.527.000 - 1.071.412.000đ = 1.253.115.000đ.

Tại Bản kết luận giám định ngày 23/3/2023 của Cục thuế tỉnh Hòa Bình kết luận: Hành vi trốn thuế và xác định tổng số tiền thuế Công ty TNHH Tđã trốn là: **914.501.181** đồng, trong đó:

Năm 2019 là 409.821.273 đồng (bao gồm: thuế GTGT là 136.607.091 đồng; thuế TNDN là 273.214.182 đồng).

Năm 2020 là 209.108.727 đồng (bao gồm: thuế GTGT là 87.128.636 đồng; thuế TNDN là 121.980.091 đồng).

Năm 2021 là 181.651.636 đồng (bao gồm: thuế GTGT là 60.550.545 đồng; thuế TNDN là 121.101.091 đồng).

Năm 2022 là 113.919.545 đồng (bao gồm: thuế GTGT là 113.919.545 đồng)

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định của Cục thuế tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo Phạm Văn B và Bùi Thị Bích L đã tự nguyện nộp đủ số tiền trên tại Kho bạc nhà nước huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn B và Bùi Thị Bích L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đề nghị Hội đồng xét xử đối với số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Tiến Anh Hoà Bình, đến nay Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đã nhận đủ số tiền 914.501.181 đồng của Công ty TNHH Tnộp.

Bản cáo trạng số 76/CT-VKS-P2 ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn B, Bùi Thị Bích L về tội "Trốn thuế" quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn B và Bùi Thị Bích L phạm tội "Trốn thuế"; Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với Phạm Văn B từ 300.000.000 đồng - 400.000.000 đồng; Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với Bùi Thị Bích L từ 100.000.000 đồng - 200.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc Công ty TNHH Tphải nộp số tiền trốn thuế là 914.501.181 đồng *(trong đó thuế GTGT là 398.205.817đồng, thuế*

TNDN 516.295.364 đồng), hiện nay đã khắc phục toàn bộ; Các tài liệu chứng cứ thu giữ tại Công ty TNHH Ttịch thu lưu hồ sơ vụ án, các tài liệu không liên quan đến vụ án cần trả lại cho Công ty lưu giữ theo quy định.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Kết luận giám định của Cục thuế Hòa Bình và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2019 đến 2022, Phạm Văn B làm Giám đốc Công ty TNHH Tđã nhiều lần trực tiếp và chỉ đạo Bùi Thị Bích L không xuất vé; không kê khai thuế đối với doanh thu thực tế từ hoạt động bán vé của Công ty TNHH Tđể ngoài sổ sách 4.380.266.000 đồng nhằm mục đích trốn thuế, với tổng số tiền trốn thuế là 914.501.181đồng *(trong đó thuế GTGT là 398.205.817đồng, thuế TNDN 516.295.364 đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm các khoản 2, 3 Điều 143 Luật Quản lý Thuế. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Văn B, Bùi Thị Bích L phạm tội "Trốn thuế" quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 200 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý

thuế của Nhà nước, làm thất thu Ngân sách Nhà nước. Xét các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc từ trước. Bị cáo Phạm Văn B là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định mọi hoạt động của Công ty và đã nhiều lần trực tiếp và chỉ đạo Bùi Thị Bích L không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ; không kê khai đối với doanh thu thực tế từ hoạt động bán vé của Công ty TNHH Tđể ngoài sổ sách 4.380.266.000 đồng nhằm mục đích trốn thuế, với tổng số tiền trốn thuế là 914.501.181 đồng nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bùi Thị Bích L mặc dù không được hưởng lợi nhuận từ số tiền trên nhưng L làm nhiệm vụ thống kê tổng hợp tại cảng du lịch T, khi B chỉ đạo để ngoài sổ sách số tiền 4.380.266.000 đồng, bị cáo đã thực hiện và trực tiếp không tổng hợp khi chuyển cho Nguyễn Thị Thủy làm kê khai thuế; không kê khai đối với doanh thu thực tế từ hoạt động bán vé, L cũng biết rõ hóa đơn chuyển cho Thủy mục đích kê khai thuế, nên giữ vai trò thứ yếu.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Phạm Văn B đã tự nguyện nộp số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo đã có nhiều thành tích và được tặng thưởng nhiều giấy khen; bố mẹ bị cáo là người có công trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tích cực hợp tác cung cấp tài liệu cho Cơ quan điều tra, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình có công văn số 10/PC01 ngày 09/01/2024 về việc xem xét cho bị cáo hưởng chính sách khoan hồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Thị Bích L trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp một phần số tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo ra đầu thú, có bố đã tham gia kháng chiến chống Mỹ và bị chất độc màu da cam, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nhân thân tốt, đều có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo cũng đã nộp lại số tiền trốn thuế, nhằm khắc phục thiệt hại đã gây ra cho Nhà nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để có cơ hội sữa chữa lỗi lầm và chăm sóc gia đình. HĐXX sẽ áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm Dân sự: Công ty TNHH Tcó nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH Tđược hưởng lợi từ việc phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, đối với số tiền trốn thuế

914.501.181 đồng *(Chín trăm mười bốn triệu lăm trăm linh một nghìn một trăm tám mốt đồng)* buộc Công ty TNHH Tcó nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước. Bị cáo Phạm Văn B và bị cáo Bùi Thị Bích L đã tự nguyện nộp đủ số tiền trên tại Kho bạc Nhà nước huyện Cao Phong theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 1119215, 1119214, 1119212 ngày 07/3/2023. Vì vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Các tài liệu thu giữ từ Công ty TNHH Tiến Anh là các tài liệu, chứng cứ làm căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 cây máy vi tính hãng Dell core 15-win 7, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, số seri CND1123BRO, 01 Bộ sạc máy tính xách tay, 01 dây kết nối cổng VGA và các loại vé tỉnh theo quyển, năm 2019: 1187 quyển, năm 2020: 339 quyển, năm 2021: 550 quyển, năm 2022: 1027 quyển, xét thấy số tài liệu này không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên trả lại cho Công ty TNHH Tiến Anh lưu giữ theo quy định.

[7] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức phạt đề nghị là thỏa đáng nên được chấp nhận.

[8] Đối với Nguyễn Thị Thuỷ là người được B thuê làm kế toán cho Công ty TNHH Tiến Anh Hoà Bình. Việc kê khai thuế, chị Thuỷ chỉ căn cứ trên những hoá đơn, báo cáo mà B và L cung cấp. Thuỷ không biết việc Phạm Văn B chỉ đạo Bùi Thị Bích L không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ và không kê khai đối với doanh thu thực tế từ hoạt động bán vé Công ty TNHH Tiến Anh Hoà Bình. Không được bàn bạc, thống nhất cũng như không được hưởng lợi từ việc vi phạm trên của B và L. Do đó, Nguyễn Thị Thuỷ không đồng phạm với B và L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hoà Bình không đề cập đến việc xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Trần Đức Dũng là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Tnhưng trên thực tế không tham gia vào các hoạt động của Công ty và không được bàn bạc, thống nhất cũng như ăn chia, hưởng lợi từ hành vi phạm tội của B và L. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý là có căn cứ.

Đối với Đinh Thị Trang, Bùi Văn Huê là nhân viên của Công ty TNHH Tdo không biết việc B chỉ đạo L không xuất vé cho khách hàng cá nhân và không kê khai đầy đủ theo doanh thu thực tế từ hoạt động bán vé của Công ty do đó không đề cập xử lý hình sự là đúng quy định pháp luật.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B, Bùi Thị Bích L phạm tội "**Trốn thuế"**.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt tiền đối với **Phạm Văn B** số tiền 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt tiền đối với **Bùi Thị Bích L** số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

3. Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 8 Luật doanh nghiệp.

Buộc bị cáo Phạm Văn B phải nộp số tiền đã trốn thuế là **914.501.181 đồng** *(Chín trăm mười bốn triệu lăm trăm linh một nghìn một trăm tám mốt đồng)* sung Ngân sách Nhà nước (do Chi cục thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc đại diện quản lý).

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn B, Bùi Thị Bích L đã nộp đủ số tiền **914.501.181 đồng** *(Chín trăm mười bốn triệu lăm trăm linh một nghìn một trăm tám mốt đồng)* tại Kho bạc Nhà nước huyện Cao Phong theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 1119215, 1119214, 1119212 ngày 07/3/2023.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho Công ty TNHH Tiến Anh Hòa Bình 01 cây máy vi tính hãng Dell core 15-win 7, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, số seri CND1123BRO, 01 Bộ sạc máy tính xách tay, 01 dây kết nối cổng VGA và các loại vé tỉnh theo quyển, năm 2019: 1187 quyển, năm 2020: 339 quyển, năm 2021: 550 quyển, năm 2022: 1027 quyển được đựng trong 05 thùng cát tông được niêm phong bên ngoài có dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Phong và 01 thùng cát tông được niêm phong bên ngoài có dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình

(*Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong).*

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 31/12/2016 buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- THADS huyện Cao Phong;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- UBKT TP Hòa Bình, huyện Cao Phong;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà